

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 10 - 2020

V/v tranh chấp về thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D,
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;
2. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 313/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Mộng T, sinh năm 1993. Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T1, sinh năm 1988. Hộ khẩu thường trú: Số 253, ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/7/2020, bản tự khai ngày 20/7/2020, biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 25/8/2020 nguyên đơn (bà T) trình bày:

Chị T, anh T1 kết hôn và có 01 con chung tên Nguyễn H, sinh ngày 30/8/2014. Ngày 30/3/2017 anh chị đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 98/2017/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương. Theo quyết định, anh T1 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Tuy nhiên, từ cuối năm 2019 đến nay, anh T1 nghiện ma túy và bị Tòa án nhân dân huyện D ra Quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 51/QĐ-TA ngày 26/12/2019. Từ khi giao con cho anh T1 thì mẹ anh T1 tên Lê Thị Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H. Hiện nay, bà Đ đã già yếu, cháu H lại đến tuổi đi học nên chị T mong muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và lo cho cháu H ăn học nên chị T làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu anh T1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho anh T1 biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng phía anh T1 vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo biên bản xác minh ngày 14/8/2020, bị đơn anh Nguyễn Đức T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương và sinh sống cùng với mẹ ruột là bà Lê Thị Đ, theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương.

Việc Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ cho bị đơn thông qua bà Đàm là đúng với quy định tại Khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 98/2017/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương thì anh T1 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, từ cuối năm 2019, anh T1 nghiện ma túy, Tòa án nhân dân huyện D đã ban hành Quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 51/QĐ-TA ngày 26/12/2019 đối với anh T1 nhưng anh T1 hiện đang trốn tránh việc đi cai nghiện bắt buộc. Theo biên bản xác minh ngày 14/8/2020 đối với bà Lê Thị Đ (mẹ ruột anh T1) thể hiện: Từ cuối năm 2019, anh T1 thường xuyên vắng nhà, không có công việc ổn định. Hiện nay bà Đ đã lớn tuổi, không còn đủ sức khỏe và kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H. Vì vậy từ cuối năm 2019 đến nay cháu H đã về sinh sống với chị T. Như vậy, anh T1 đã thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung theo quyết định của Tòa án.

Ngoài ra, anh T1 hiện đang bị nghiện ma túy, không có công việc ổn định, thường xuyên vắng nhà nên không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc tiếp tục giao cháu H cho anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là không đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần của cháu H. Xét điều kiện của chị T: Có việc làm thu nhập 10.000.000 đồng/tháng, có chỗ ở ổn định và mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nên cần giao con chung tên Nguyễn H, sinh ngày 30/8/2014 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 69, 81, điểm b Khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hội đồng xét xử đã phân tích, giải thích cho chị T biết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh T1 theo quy định tại Khoản 2 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình nhưng chị T vẫn không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là ý chí tự nguyện của chị T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định.

[4] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện D là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 177, 227, 228, 235, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 69, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 17 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” của chị Lương Mộng T đối với anh Nguyễn Đức T1.

Chị Lương Mộng T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn H, sinh ngày 30/8/2014.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lương Mộng T về việc không yêu cầu anh Nguyễn Đức T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

Về con chung theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 98/2017/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương hết hiệu lực thi hành kể từ khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Lương Mộng T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0033088 ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 22/10/2020). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện D;
- CC THADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng

